

Số: 41/NQ-HĐND

Quảng Điền, ngày 10 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án:
**Đầu tư hạ tầng thiết yếu các vùng sản xuất
tập trung hàng hóa giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN
KHÓA XI - KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 07**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của
HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư hạ tầng thiết
yếu các vùng sản xuất tập trung hàng hóa giai đoạn 2022-2025;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 254/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022
của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư
các dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế -
Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện tại kỳ
họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư hạ tầng thiết yếu các vùng sản xuất tập trung hàng hóa giai đoạn 2022-2025; với những nội dung cụ thể sau:

1. Tên dự án: Đầu tư hạ tầng thiết yếu các vùng sản xuất tập trung, hàng hoá giai đoạn 2022-2025.

2. Chủ đầu tư: Phòng Nông nghiệp và PTNT.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng

Thúc đẩy tăng trưởng, từng bước xây dựng nền nông nghiệp giá trị gia tăng, phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần đẩy nhanh phát triển nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nông dân.

4. Nội dung, quy mô đầu tư và phương án xây dựng điều chỉnh

- a) Đầu tư hạ tầng vùng chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng sen nuôi cá vùng trũng HTX An Xuân: Xây dựng 01 tuyến đường giao thông vào vùng sản xuất để phục vụ sản xuất chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng sen nuôi cá với diện tích 5,0ha, quy mô tuyến đường như sau: Chiều dài tuyến đường khoảng $L=900\text{m}$; chiều rộng nền đường $B=(3,5\div 4,0)\text{m}$ được đắp đất đầm nén chặt, mặt đường đổ bê tông M250 rộng $B=2,5\text{m}$. Trên tuyến có bố trí bãi tránh xe để 2 xe ngược chiều tránh nhau.
- b) Đầu tư hạ tầng vùng chuyển đổi đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản nước ngọt kết hợp đánh bắt tôm, cá tự nhiên vùng trũng thôn Mai Dương: Xây dựng hệ thống đê bao phục vụ chuyển đổi đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản nước ngọt kết hợp đánh bắt tôm, cá tự nhiên với diện tích khoảng $F= 17,0\text{ha}$; tổng chiều dài đê bao khoảng: $L=850\text{m}$; chiều rộng mặt đê: $B=(2,5\div 3,0)\text{m}$. Đê được đắp bằng đất đào tại chỗ và đất cấp phối đầm nén chặt; công trình trên tuyến: Trên tuyến đê bao cần bố trí các cống để phục vụ cấp nước và tiêu thoát nước cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt; xây mới chiều dài tuyến đường khoảng $L=250\text{m}$. Chiều rộng nền đường $B=(3,5\div 4,0)\text{m}$ được đắp đất đầm nén chặt, mặt đường đổ bê tông M250 rộng $B=2,5\text{m}$.
- c) Đầu tư tuyến giao thông ra khu vực sản xuất lúa chất lượng tại thôn 3, xã Quảng Ngạn: Xây dựng 02 tuyến đường giao thông nội vùng để phục vụ vận chuyển vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất và vận chuyển lúa sau khi thu hoạch với diện tích 5,0ha; chiều dài 02 tuyến đường khoảng $L=462\text{m}$, trong đó: tuyến số 1 dài khoảng 165m, tuyến số 2 dài khoảng 297m; chiều rộng nền đường $B=(3,5\div 4,5)\text{m}$ được đắp bằng đất cấp phối đầm nén chặt, mặt đường đổ bê tông M250 rộng $B=(2,5\div 3,5)\text{m}$.
- d) Đầu tư hạ tầng đường nội bộ phục vụ sản xuất theo hướng công nghệ cao kết hợp với tham quan du lịch trải nghiệm tại HTX Thạnh Lợi: Xây dựng 02 tuyến đường giao thông nội vùng để phục vụ vận chuyển vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất và vận chuyển nông sản sau khi thu hoạch với diện tích 5,0ha và phục vụ tham quan du lịch trải nghiệm; chiều dài 02 tuyến đường khoảng $L=450\text{m}$, trong đó: tuyến số 1 dài khoảng 310m, tuyến số 2 dài khoảng 140m; chiều rộng nền đường $B=(3,5\div 4,5)\text{m}$ được đắp bằng đất cấp phối đầm nén chặt, mặt đường đổ bê tông M250 rộng $B=(2,5\div 3,5)\text{m}$; công trình trên tuyến: trên tuyến cần sửa chữa cống hiện có và xây mới các cống để đảm bảo nhiệm vụ tưới tiêu.
- e) Đầu tư kênh tưới cấp 1 Tân Thành-Tỉnh lộ 19: Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh chính trên nền kênh cũ để phục vụ tưới cho 120ha với điểm đầu đầu nối cuối kênh đã nâng cấp, sửa chữa với chiều dài khoảng 450m. Kết cấu kênh bê tông M200, khẩu độ $(0,9\times 1,1)\text{m}$. Trung bình 20m cắt khe lún chèn giấy dầu

tầm nhựa đường, kênh bố trí hệ thống khung giằng. Bảng thông số của kênh như sau:

Stt	Đoạn kênh	L (m)	F (ha)	Q _{tk} (m ³ /s)	B (m)	H _{tk} (m)	hat (m)	Hk (m)
	Kênh KC	450	120	0,256	0,9	0,95	0,15	1,10

Công trình trên kênh chính: Trên tuyến kênh cần bố trí các cửa lấy nước,... để đảm bảo nhiệm vụ cấp nước tưới.

g) Đầu tư hạ tầng, hệ thống nhỏ giọt phục vụ sản xuất vùng trồng mướp đắng tập trung theo tiêu chuẩn Vietgap ở thôn Tây Hoàng: Khoan hệ thống giếng khoan và đặt máy bơm để phục vụ bơm tưới cho 3,0ha sản xuất vùng trồng mướp đắng tập trung theo tiêu chuẩn Vietgap. Đầu nối đường dây điện hạ thế về để cấp điện cho máy bơm; xây dựng hệ thống tuyến ống tưới nhỏ giọt tự động để phục vụ tưới. Hệ thống tưới nhỏ giọt tự động gồm ống dẫn nước tưới và ống cấp nước tưới, trên đầu ống có bố trí các béc tưới nhỏ giọt tự động. Đầu các nhánh rẽ và giữa các ống tưới có bố trí các van khóa để điều tiết tưới khi cần.

h) Đầu tư đường giao thông vùng sản xuất lúa chất lượng cao Tam Tứ Đạt, Môn Cát: Xây dựng tuyến đường giao thông nội vùng để phục vụ vận chuyển vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất và vận chuyển lúa sau khi thu hoạch cho diện tích 20,ha vùng Tam Tứ Đạt, Môn Cát; chiều dài tuyến đường khoảng L=500m; chiều rộng nền đường B=(3,5÷4,0)m được đắp đất đầm nén chặt, mặt đường đổ bê tông M250, rộng B=2,5m. Trên tuyến có bố trí bãi tránh xe để 2 xe ngược chiều tránh nhau.

k) Đầu tư hạ tầng nuôi trồng thủy sản tập trung thôn 1 và thôn 2, xã Quảng Công:

- Tuyến đê bao: Khu nuôi trồng thủy sản thôn 1: Để chuyển đổi 7,1ha lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản, chia khu dự án thành 3 khu sản xuất chính với quy mô đê bao như sau: Tổng chiều dài đê bao và mương tiêu khoảng: L= 1.697,9m; trong đó: Khu A: chiều dài đê bao khoảng L=499m, diện tích (theo tim đê) khoảng F=1,61ha; khu B: chiều dài đê bao L=550,9m, diện tích (theo tim đê) F=1,98ha; Khu C: chiều dài đê bao khoảng L=648,0m, diện tích (theo tim đê) F=2,61ha; chiều rộng mặt đê: B=2,0m; cao trình mặt đê: +0,3; mái đắp đê: m=1,5; cao trình đáy kênh tiêu: -0,8; kết cấu đê bao: đê bao được đắp bằng đất tận dụng nạo vét mương tiêu, đất nạo vét tuyến kênh dẫn dọc đê Phá Tam Giang và đào đất tại chỗ để đắp, đất đắp đầm nén chặt đạt K=0,9.

+ Khu nuôi trồng thủy sản thôn 2: Để chuyển đổi 2,7ha lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản, khu dự án lập 01 khu sản xuất chính với quy mô đê bao như sau: Tổng chiều dài đê bao và mương tiêu khoảng: L= 607,8m, diện tích (theo tim đê) khoảng F=2,46ha; chiều rộng mặt đê: B=2,0m; cao trình mặt đê: +0,3; mái đắp đê: m=1,5; cao trình đáy kênh tiêu: -0,8.

- Tuyến kênh dẫn: Để máy bơm cấp nước được thuận lợi cần nạo vét các tuyến kênh dẫn: Các tuyến từ ngoài phá vào đến đê Phá Tam Giang: Nạo vét 4 tuyến kênh dẫn nước từ ngoài phá vào đến đê Đông Phá Tam Giang, với tổng chiều dài 486,0m; trong đó, tuyến 1 dài 155,0m; tuyến 2 dài 128,0m; tuyến 3 dài 103,0m và tuyến 4 dài 100,0m. Đất nạo vét được đắp lên đê hồ tôm của dân hiện có.

+ Tuyến phía ngoài dọc đê Phá Tam Giang: Tuyến này đi dọc đê phá và dọc theo khu nuôi trồng với chiều dài 813,2m; trong đó, đoạn qua khu nuôi trồng thủy sản thôn 1 dài 598,0m; đoạn qua khu nuôi trồng thủy sản thôn 2 dài 215,2m. Đất nạo vét được tận dụng để đắp một phần đê bao khu nuôi trồng.

+ Các thông số nạo vét như sau: Chiều rộng đáy kênh: $B=2,0\text{m}$; cao trình đáy kênh: $-0,8$; mái nạo vét: $m=2,0$.

- Cấp điện cho khu nuôi trồng thủy sản: Cấp điện cho khu nuôi trồng thủy sản thôn 1: Xây dựng tuyến đường dây điện hạ thế cáp vặn xoắn ABC-4A95mm² -0.6/1kV dài 1275,7m đấu nối vào trạm biến áp Quảng Công 1: 250kVA 22/0.4kV đi theo tuyến đường bê tông hiện có ra đến khu nuôi trồng thủy sản thôn 1 để cấp cho khu nuôi trồng thủy sản thôn 1. Trong đó, đoạn đầu dài 663,7m đi theo trụ cũ đã có, đoạn còn lại dài 612,0m đi theo trụ mới; cấp điện cho khu nuôi trồng thủy sản thôn 1: Đấu nối từ tuyến đường dây điện hạ thế cáp vặn xoắn ABC-4A70mm² -0.6/1kV hiện có (đang cấp cho khu nuôi trồng thủy sản thôn 1 đã xây dựng) kéo dài về cấp cho khu nuôi trồng thủy sản thôn 2 với chiều dài 220m.

l) Hạ tầng vùng trồng màu tập trung chất lượng cao xã Quảng Thành

- Hệ thống nhà lưới: Tận dụng lại hệ thống trụ hiện có, quy hoạch điều chỉnh lại vị trí một số trụ để phù hợp với thực tế sản xuất; sửa chữa, thay thế lại hệ thống lưới bao che đảm bảo nhà lưới được đồng bộ về cao trình, thuận lợi cho sản xuất và tham quan du lịch.

- Hệ thống tưới tự động: Nâng cấp, thay thế một số đoạn ống đầu tuyến để đảm bảo cấp nước tưới tự động cho toàn vùng, thay thế sửa chữa một số van tưới hiện trạng đã hư hỏng, xuống cấp.

- Chính trang khu đất sát bờ sông: Phát quang, dọn dẹp san gạt lại khu đất phía bờ sông đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ.

- Quy hoạch lại khu sản xuất, bố trí lại hệ thống đường giao thông nội khu, sửa chữa lại hàng rào để phục vụ sản xuất kết hợp phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

m) Xây dựng đường dây hạ thế vào khu nuôi trồng thủy sản thị trấn Sịa

Xây dựng 2 tuyến đường dây hạ thế 0,4KV có tổng chiều dài khoảng 1.260m, đấu nối tại 2 trạm biến áp là Tân Lập 1: 250kVA và Tân Lập 2: 250kVA, với khu sản xuất tập trung chính gồm các hạng mục sau:

- Tuyến đường dây 0,4kV tuyến 1, có chiều dài khoảng 625m: Xây dựng hệ thống điện đấu nối tại trạm biến áp Tân Lập 1: 250kVA 22/0,4kV, dùng dây dẫn cáp vặn xoắn lắp trên cột BTLT-NPC-8.5-160 loại cao 8,5m.

- Tuyến đường dây 0,4kV tuyến 2, có chiều dài khoảng 635m: Xây dựng hệ thống điện đấu nối tại trạm biến áp Tân Lập 2: 250kVA 22/0,4kV, dùng dây dẫn cáp vặn xoắn lắp trên cột BTLT-NPC-8.5-160 loại cao 8,5m.

Lý do điều chỉnh: Thay đổi quy mô đầu tư và đơn giá áp theo giá tháng 11/2022.

5. Địa điểm xây dựng: Huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Loại công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp IV, nhóm C.

7. Tổng mức đầu tư của dự án: Khoảng: 9.676 triệu đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, tư cách pháp nhân quản lý dự án.

10. Thời gian thực hiện dự án: 03 năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao trách nhiệm cho UBND huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban, các Tổ và các đại biểu HĐND huyện phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khóa XI, kỳ họp chuyên đề lần thứ 07 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Thường vụ Huyện ủy;
- CT, PCT HĐND huyện;
- UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban, Tổ, Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP+CVHĐ;
- Lưu: VT. *ph*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Lượng